

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét Văn bản số 03/CV-PC.2025 ngày 30 tháng 5 năm 2025 về việc đề nghị cấp Giấy phép môi trường của Bệnh viện Quốc tế Phương Châu và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 234/TTr-SNNMT ngày 21 tháng 7 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Bệnh viện Quốc tế Phương Châu (Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Phương Châu - Bệnh viện Quốc tế Phương Châu), địa chỉ tại số 300, đường Nguyễn Văn Cừ (nối dài), phường Tân An, thành phố Cần Thơ (trước đây là phường An Khánh, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ) được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của cơ sở “Bệnh viện Quốc tế Phương Châu” với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư/cơ sở:

- 1.1. Tên dự án đầu tư/cơ sở: Bệnh viện Quốc tế Phương Châu.
- 1.2. Địa điểm hoạt động: Phường Tân An, thành phố Cần Thơ (trước đây là phường An Khánh, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ).
- 1.3. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, giấy chứng nhận đầu tư:

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 1800651309, đăng ký lần đầu ngày 16 tháng 01 năm 2007 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Cần Thơ cấp.

Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh: 1800651309-001, đăng ký lần đầu ngày 12 tháng 11 năm 2010, đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 06 tháng 4 năm 2022 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Cần Thơ cấp

1.4. Mã số thuế: 1800651309-001.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Hoạt động khám chữa bệnh (Bệnh viện).

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của cơ sở

- Quy mô diện tích: Tổng diện tích đất quy hoạch cơ sở là 7.709,0 m²; tổng diện tích sử dụng là 25.148,64 m².

- Nhóm dự án (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công): Quyết định số 2578/QĐ-UBND ngày 13 tháng 11 năm 2007 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ về việc phê duyệt Báo cáo Đánh giá tác động môi trường của dự án “Bệnh viện Phụ sản Phương Châu - giai đoạn I - 200 giường”.

- Công suất và quy trình công nghệ sản xuất của các dây chuyền sản xuất được xem xét cấp phép tại Giấy phép môi trường này:

+ Quy mô, công suất cơ sở: Bệnh viện có quy mô 200 giường (có khả năng tiếp nhận tối đa khoảng 472 lượt khám/ngày).

+ Quy trình công nghệ: Quy trình khám chữa bệnh/cấp cứu: Bệnh nhân → Lấy số thứ tự (trường hợp cấp cứu sẽ được hướng dẫn trực tiếp đến phòng cấp cứu) → Khai thông tin → Khám bệnh → Thực hiện theo chỉ định bác sĩ → Mua thuốc, ra về/nhập viện → Điều trị → Xuất viện/chuyển tuyến.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2 Yêu cầu về tiếng ồn, độ rung tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của tổ chức/cá nhân được cấp Giấy phép môi trường.

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Bệnh viện Quốc tế Phương Châu có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải, bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm (kể từ ngày Giấy phép môi trường này được ký ban hành đến ngày tháng 8 năm 2035).

Điều 4. Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường, Ủy ban nhân dân phường Tân An tổ chức kiểm tra việc thực hiện các nội dung quy định tại Giấy phép môi trường này, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án, cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ NN và MT;
- CT UBND thành phố;
- Bệnh viện Quốc tế Phương Châu;
- Cổng Thông tin điện tử TP;
- VP UBND TP (3B);
- Lưu: VT. VK

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Trần Chí Hùng

Phụ lục 1**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày tháng 8 năm 2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI**1. Nguồn phát sinh nước thải**

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt (nước thải từ hoạt động sinh hoạt của bệnh nhân, người nhà bệnh nhân, đội ngũ y bác sĩ và nhân viên bệnh viện; nước thải từ bếp ăn căn tin).

- Nguồn số 02: Nước thải y tế (phát sinh từ quá trình điều trị, khám chữa bệnh, hoạt động giặt là, vệ sinh dụng cụ phòng thí nghiệm, vệ sinh bệnh viện).

Tổng lưu lượng phát sinh cao nhất: 147,7 m³/ngày đêm.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải**2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải**

Nước thải phát sinh từ các nguồn thải của Bệnh viện sau khi được xử lý sơ bộ, được thu gom bằng tuyến ống dẫn nước thải về hệ thống xử lý nước thải chung, công suất: 200 m³/ngày đêm, nước thải sau xử lý tại hệ thống xử lý nước thải chung, đạt QCVN 28:2010/BTNMT, giá trị C, cột A (k=1,2), thoát vào cống thoát chung của đô thị trên tuyến đường Nguyễn Văn Cừ.

2.2. Vị trí xả thải

- Hố ga tiếp nhận của cống thoát chung của đô thị trên tuyến đường Nguyễn Văn Cừ tại địa chỉ số 300 Nguyễn Văn Cừ (nối dài), phường Tân An, thành phố Cần Thơ.

- Tọa độ điểm xả thải (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 105°, múi chiếu 3°): X = 1109209; Y = 582104.

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 200 m³/ngày đêm (theo công suất của hệ thống xử lý nước thải).

2.4 Phương thức xả thải: Cường bức gián đoạn theo quá trình kinh doanh dịch vụ.

2.5. Chế độ xả nước thải: Gián đoạn theo quá trình bơm (24 giờ/ngày đêm).

2.6 Chất lượng nước thải: Thông số và giới hạn nồng độ chất ô nhiễm trong nước thải không vượt quá quy chuẩn QCVN 28:2010/BTNMT (cột A, K = 1,2) Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải y tế, cụ thể như sau:

Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của chất ô nhiễm theo dòng nước thải:

TT	Thông số	Đơn vị	Giá trị giới hạn tối đa	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục (nếu có)
1	pH	-	6,5 - 8,5	06 tháng/lần	Không thuộc đối tượng quan trắc
2	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	60		
3	Nhu cầu oxi sinh hóa (BOD5)	mg/L	36		
4	Phosphat (PO ₄ ³⁻ tính theo P)	mg/L	7,2		
5	Amoni (NH ₄ ⁺ tính theo N)	mg/L	6		
6	Nhu cầu oxi hoá học (COD)	mg/L	60		
7	Coliform	MPN/100mL	3.000		
8	Sunfua	mg/L	1,2		
9	Nitrat (NO ₃ ⁻ tính theo N)	mg/L	36		
10	Dầu mỡ động thực vật	mg/L	12		
11	Salmonella	Vi khuẩn/100ml	KPH		
12	Shigella	Vi khuẩn/100ml	KPH		
13	Vibrio cholerae	Vi khuẩn/100ml	KPH		
14	Tổng hoạt độ phóng xạ α	Bq/L	0,12		
15	Tổng hoạt độ phóng xạ β	Bq/L	1,2		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục

1.1 Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải

- Hệ thống thu gom, thoát nước thải được xây dựng tách riêng với hệ thống thu gom, thoát nước mưa.

- Nước thải phát sinh từ hoạt động của bệnh viện được thải vào hố thu gom bằng ống Ø110. Sau đó, nước thải từ hố thu gom dẫn về hệ thống xử lý tập trung bằng đường ống kín HDPE Ø300.

1.2 Công trình, thiết bị xử lý nước thải

- Tóm tắt quy trình xử lý sơ bộ nước thải sinh hoạt của dự án: Nước thải (nước thải sinh hoạt sau bể tự hoại; nước thải căn tin sau bể gạn mỡ và nước thải từ hoạt động khám chữa bệnh) → Ngăn tiếp nhận, Gạn → Bể điều hoà → Bể thiếu khí → Bể hiếu khí → Bể lắng sinh học → Bể khử trùng → Lọc Tinh → Nguồn tiếp nhận là hệ thống thoát nước chung đô thị trên đường Nguyễn Văn Cừ.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Chlorine cho hệ thống xử lý nước thải với khối lượng ước tính khoảng 0,6 - 0,9kg/ngày.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố

- Công nhân vận hành hệ thống xử lý nước thải phải được tập huấn về chương trình vận hành và bảo dưỡng của hệ thống;

- Tuân thủ nghiêm ngặt chương trình vận hành và bảo dưỡng được thiết lập cho hệ thống xử lý nước thải; thực hiện quan trắc định kỳ chất lượng nước thải cho hệ thống xử lý nước thải;

- Có bảng tóm tắt hướng dẫn cách khắc phục các sự cố xảy ra; yêu cầu đối với cán bộ vận hành trong trường hợp gặp sự cố; lập tức báo cáo đến cấp trên khi có các sự cố xảy ra.

1.5. Tiêu chuẩn tiếp nhận đầu nối nước thải (đối với trường hợp cấp giấy phép môi trường cho khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp): -

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm: -

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án đầu tư, cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nguồn nước công trình thủy lợi: -

3.3. Trường hợp xả thải vào công trình thủy lợi nếu có sự cố bất thường ảnh hưởng xấu tới chất lượng nước trong công trình thủy lợi, chủ dự án đầu tư, cơ sở phải báo cáo kịp thời về cơ quan cấp Giấy phép môi trường, cơ quan chức năng quản lý công trình thủy lợi: -

3.4. Các điều kiện liên quan đến bảo vệ môi trường kèm theo: -

3.5. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác: -

Phụ lục 2**BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày tháng 8 năm 2025
của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG**1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung**

Nguồn số 01: tiếng ồn, rung từ hoạt động của máy phát điện dự phòng.

2. Tiếng ồn, độ rung phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với tiếng ồn (QCVN 26:2010/BTNMT), độ rung (QCVN 27:2010/BTNMT), cụ thể như sau:

2.1. Tiếng ồn

TT	Giá trị giới hạn cho phép: Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép, dB		Ghi chú
	Từ 6-21 giờ(dBA)	Từ 21-6 giờ (dBA)	
1	55	45	Khu vực đặc biệt

2.2. Độ rung

TT	Giá trị giới hạn cho phép: Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép, dB		Ghi chú
	Từ 6-21 giờ (dB)	Từ 21-6 giờ (dB)	
1	60	55	Khu vực đặc biệt

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG**1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung**

- Máy phát điện được lắp đặt đảm bảo về mặt kỹ thuật, đồng thời bố trí cách âm, tường bao cho máy phát điện.
- Thường xuyên kiểm tra, bảo trì định kỳ, bôi trơn và thay thế các chi tiết hư hỏng.
- Quy hoạch các dãy nhà xe riêng biệt, khu vực dành cho xe nhân viên, khách hàng, xe 02 bánh, 04 bánh...
- Bố trí bảo vệ trực hướng dẫn các phương tiện ra vào dự án đều tuân theo hướng dẫn của bảo vệ.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

2.1 Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu đảm bảo nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Các yêu cầu bảo vệ môi trường khác: -

Phụ lục 3**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA
VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày tháng 8 năm 2025
của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI**1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh****1.1 Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên**

Khối lượng phát sinh CTNH tại cơ sở với chủng loại và khối lượng như sau:

STT	Mã chất thải	Tên chất thải	Khối lượng (kg)
1	13 01 01	Chất thải lây nhiễm (bao gồm cả chất thải sắc nhọn): Kim tiêm và chất thải có tác nhân lây nhiễm Chất thải từ phòng xét nghiệm Chất thải có nguy cơ lây nhiễm cao	25.763
2	13 01 02	Hộp đựng chất thải (xét nghiệm, nước rửa hình ảnh)	0
3	16 01 12	Pin, ắc quy thải	10
4	08 02 04	Hộp mực in thải có chứa thành phần nguy hại	27
5	16 01 08	Các loại dầu mỡ thải	0
6	18 01 04	Chai lọ thủy tinh nhiễm thành phần nguy hại	258
7	08 02 01	Mực in thải	32
8	16 01 06	Bóng đèn huỳnh quang thải	746
9	12 06 05	Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải	10
Tổng			23.879

1.2 Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh

Đặc trưng loại hình của cơ sở là bệnh viện nên khối lượng chất thải rắn thông thường phát sinh bao gồm chất thải y tế thông thường và chất thải có khả năng tái chế với khối lượng phát sinh như sau:

STT	Nhóm chất thải rắn thông thường	Khối lượng phát sinh
1	Chất thải y tế thông thường	26.846 kg
2	Chất thải tái chế	9.706 kg

1.3 Khối lượng, chủng loại chất thải rắn sinh hoạt phát sinh

Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ hoạt động vệ sinh, ăn uống của nhân viên, các đối tượng đến sử dụng dịch vụ tại dự án chủ yếu gồm các loại như bao bì nhựa, chai lọ, vỏ hộp cơm, túi nilon, thức ăn thừa,... lưu lượng phát sinh 651,6 m³/năm.

1.4. Khối lượng chất thải công nghiệp phải kiểm soát: -**2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại****2.1. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại**

2.1.1 Thiết bị lưu chứa

Các thùng rác, bao bì chứa chất thải nguy hại được bố trí tại các khoa, phòng của Bệnh viện đảm bảo thu gom triệt để chất thải phát sinh tại từng khu vực. Tất cả các loại chất thải nguy hại được chứa vào các thùng rác chuyên dụng có lót bọc nylon và có nắp đậy kín. Thùng nhựa PE/PP màu vàng dùng chứa chất thải lây nhiễm, thùng nhựa PE/PP màu đen dùng chứa chất thải nguy hại không lây nhiễm; dung tích thùng chứa các loại 55L, 65, 90L, 120L, 240L.

2.1.2 Kho/khu vực lưu chứa trong nhà

Khu vực lưu giữ chất thải nguy hại của bệnh viện được chia làm 02 kho, kho chứa chất thải y tế nguy hại lây nhiễm với diện tích 24 m², kho chứa chất thải nguy hại không lây nhiễm có diện tích 4.75 m² được bố trí nằm trong cùng khu vực bố trí các kho rác khác; Kho chất thải nguy hại là kho kín tránh nắng, nước mưa chảy tràn, có cửa khóa an toàn, nền kho cao ráo, phía ngoài kho có gắn biển báo và tiêu ngữ “KHO CHẤT THẢI NGUY HẠI”; có trang bị thiết bị PCCC, vật liệu hấp thụ (cát) và xẻng để sử dụng trong trường hợp rò rỉ, rơi vãi, tràn đổ chất thải nguy hại ở thể lỏng, được xây dựng theo đúng hướng dẫn tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

Công tác quản lý, thu gom, vận chuyển và xử lý các loại chất thải nguy hại được thực hiện đúng theo hướng dẫn tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Chủ cơ sở đã ký hợp đồng với đơn vị có chứa năng thu gom, xử lý toàn bộ lượng chất thải nguy hại phát sinh tại cơ sở.

2.2. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường

2.2.1 Thiết bị lưu chứa

Tại mỗi khoa, phòng của Bệnh viện đều được bố trí các thùng chứa (thể tích 05L, 20L, 120L, 240L có nắp đậy kín, tùy khu vực sẽ bố trí dụng cụ chứa phù hợp). Bệnh viện đảm bảo bố trí đầy đủ các thùng chứa, bao bì để thu gom triệt để chất thải phát sinh của Bệnh viện. Bên ngoài mỗi thùng chứa đều được dán nhãn hướng dẫn phân loại chất thải. Bao bì, dụng cụ chứa chất thải y tế thông thường được chọn lọc đảm bảo đáp ứng các điều kiện theo quy định tại Thông tư số 20/2021/TT-BYT.

2.2.2 Kho/khu vực lưu chứa trong nhà

- Bệnh viện bố trí kho chứa chất thải rắn công nghiệp thông thường (kho rác tái chế) với diện tích 15.64 m².

- Cơ sở thu gom bán phế liệu đối với phần chất thải rắn công nghiệp thông thường.

2.3. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

Công trình lưu giữ chất thải: Chất thải rắn sinh hoạt được thu gom vào các thùng rác màu xanh bao gồm các loại 240 L, 120L, 90L, 65L, 55L; Nhân viên dọn vệ sinh sẽ thu dọn rác thải sinh hoạt đến kho chứa chất thải rắn sinh hoạt của bệnh viện, khu này bố trí thùng chứa có dung tích 240 lít/thùng.

Bệnh viện bố trí 01 kho chứa chất thải rắn sinh hoạt với diện tích 10.40m².

Biện pháp thu gom, xử lý: Rác sinh hoạt sẽ được chuyển cho đơn vị thu gom rác tại địa phương thu gom, xử lý đúng quy định, với tần suất 01 lần/ngày (nhân viên phụ trách vệ sinh của Dự án sẽ mang rác ra công giao cho đơn vị thu gom).

3. Hoạt động tự xử lý, tái chế, tái sử dụng chất thải: -

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

Chủ cơ sở có trách nhiệm thực hiện và cung cấp nội dung kế hoạch ứng phó sự cố môi trường cho cơ quan có thẩm quyền theo quy định tại Điều 108, Điều 109 và Điều 110 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Phụ lục 4**CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày tháng 8 năm 2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG: -

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC: -

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ/CƠ SỞ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG (HOẶC VĂN BẢN TƯƠNG ĐƯƠNG VỚI QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG): -

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Giấy phép môi trường là căn cứ để thực hiện việc thanh tra, kiểm tra, giám sát của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với hoạt động bảo vệ môi trường.

2. Áp dụng QCVN 28:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải y tế cho đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2031 theo quy định tại Điều 3, 4 Thông tư số 06/2025/TT-BNNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 9 năm 2025).

3. Đề nghị tuân thủ quy định pháp luật và lập lại hồ sơ môi trường trong việc đầu tư, hợp tác đầu tư xây dựng và hoạt động trong việc mua bán, kinh doanh các mặt hàng, sản phẩm khác với nội dung hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường này./.